|  |  |
| --- | --- |
| UBND THỊ XÃ VIỆT YÊN  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  (HDC có **03** trang) | **HDC THI CHỌN HSG VĂN HOÁ CẤP THỊ XÃ**  **NĂM HỌC 2023 - 2024**  **MÔN THI: Lịch sử & Địa lí – Lớp 8 (Địa lí – Các trường)**  **Ngày thi: 29/3/2024** |

**II. PHẦN TỰ LUẬN** **(***14,0 Điểm***)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **Câu 21**  **(3 điểm)** | **a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, trình bày đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc.** | **1,5** |
| - Vị trí giới hạn: Nằm ở tả ngạn sông Hồng, đi từ dãy núi Con Voi đến vùng núi ven biển Quảng Ninh/ nằm ở phía đông thung lũng sông Hồng. | 0,5 |
| - Đặc điểm địa hình:  + Độ cao: Là vùng đồi núi thấp  + Hướng núi: Chủ yếu là hướng vòng cung, với 4 cánh cung lớn: Ngân Sơn, Bắc Sơn, Sông Gâm và Đông Triều.  + Vùng đồi trung du phát triển mở rộng ở một số địa bàn như Phú Thọ, Bắc Giang,…  + Địa hình cac-xtơ khá phổ biến. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **b) Địa hình đồi núi có thế mạnh gì cho phát triển các ngành kinh tế?** | **1,5** |
| - Lâm nghiệp: có nguồn lâm sản phong phú thuận lợi phát triển ngành lâm nghiệp.  - Nông nghiệp:  + Thổ nhưỡng và khí hậu thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả,…  + Nhiều đồng cỏ tự nhiên lớn thuận lợi cho chăn nuôi gia súc lớn (trâu, bò,...)  - Công nghiệp:  + Tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng thuận lợi phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng, luyện kim,…  + Sông ngòi chảy qua địa hình miền núi, nhiều thác ghềnh nên có tiềm năng thuỷ điện lớn.  - Du lịch: khí hậu mát mẻ, nhiều thắng cảnh đẹp tạo điều kiện cho phát triển du lịch. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 22**  **(3 điểm)** | **Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:** | **3,0** |
| **a) Trình bày đặc điểm 2 miền khí hậu phía Bắc và phía Nam của nước ta.** | **2,0** |
| \* Miền khí hậu phía Bắc:  - Giới hạn: Từ dãy Bạch Mã (vĩ tuyến 160B) trở ra Bắc/ phía Bắc dãy Bạch Mã.  - Đặc điểm khí hậu:  + Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C.  + Đầu mùa đông tương đối lạnh khô, cuối mùa đông lạnh ẩm; mùa hạ nóng, ẩm và mưa nhiều.  \* Miền khí hậu phía Nam:  - Giới hạn: Từ dãy Bạch Mã trở vào Nam/ phía Nam dãy Bạch Mã.  - Đặc điểm khí hậu:  + Nhiệt độ trung bình năm trên 25°C  + Khí hậu phân thành 2 mùa rõ rêt: mùa mưa và mùa khô. | 0,25  0,25  0,5  0,25  0,25  0,5 |
| **b) Tại sao khí hậu nước ta có sự phân hoá theo chiều Bắc - Nam** | **1,0** |
| - Lãnh thổ trải dài theo chiều Bắc - Nam trên nhiều vĩ độ.  - Miền Bắc chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, miền Nam không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.  - Các dãy núi chạy theo hướng Tây - Đông ngăn cản ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc di chuyển xuống lãnh thổ phía Nam. | 0,25  0,5  0,25 |
| ***Câu 23***  **(3 điểm)** | **a) Trình bày sự phân bố và đặc điểm của nhóm đất feralit ở nước ta.** | **1,5** |
| - Phân bố:  + Nhóm đất feralit chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta (hơn 65% diện tích đất tự nhiên), chủ yếu ở trung du, đồi núi thấp.  + Đất feralit phát triển trên đá vôi phân bố ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ  + Đất feralit phát triển trên đá ba dan phân bố tập trung ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. | 0,25  0,25  0,25 |
| - Đặc điểm:  + Đất feralit có chứa nhiều ôxit sắt và ôxít nhôm, đất có màu đỏ vàng.  + Đất chua, nghèo mùn, thoáng khí.  + Trong nhóm đất feralit có loại đất feralit hình thành trên đá badan và đá vôi có độ phì cao. | 0,25  0,25  0,25 |
| **b) Chứng minh khí hậu vùng biển đảo nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa.** | **1,5** |
| **- Nhiệt độ bề mặt nước biển** trung bình năm là trên 23°C.  **- Hướng gió thay đổi theo mùa:**  **+** Từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau, gió mùa đông bắc và Tín phong đông bắc chiếm ưu thế;  + Từ tháng 5 đến tháng 9, gió mùa hướng tây nam chiếm ưu thế, riêng vịnh Bắc Bộ gió hướng Đông Nam.  **- Lượng mưa** trên biển thường nhỏ hơn trên đất liền, khoảng trên 1 100 mm/năm;  **- Vùng biển nước ta là nơi chịu nhiều thiên tai:** bão, áp thấp nhiệt đới, lốc,... Trung bình mỗi năm có 3 - 4 cơn bão trực tiếp đổ bộ vào vùng biển Việt Nam. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,5 |
| **Câu 24 (5,0 điểm)** | **1) Vẽ biểu đồ.** | **3,0** |
| - Vẽ biểu đồ kết hợp (lượng mưa vẽ cột và lưu lượng vẽ đường,).  - Yêu cầu vẽ đảm bảo chính xác, khoa học, đầy đủ dữ kiện và thông số, tính thẩm mỹ.    **LƯỢNG MƯA VÀ LƯU LƯỢNG TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM**  **CỦA LƯU VỰC SÔNG THÁI BÌNH (TRẠM TIỀN HẢI)**  \* **Các lỗi trừ điểm**:  *+ Lượng mưa vẽ đường, lưu lượng vẽ cột: chỉ cho tối đa phần vẽ 0,5 điểm.*  *+ Các tháng vẽ có khoảng cách: trừ 1 điểm.*  *+ Sai/thiếu chú giải, tên biểu đồ, đơn vị, tháng…trừ 0,25 điểm/1 lỗi.* |  |
| **2. Nhận xét về chế độ mưa và chế độ nước của lưu vực sông Thái Bình.** | **2,0** |
|  | ***a. Về lượng mưa***  - Tổng lượng mưa trong năm cao: đạt 1900,7mm.  - Có chế độ mưa thay đổi theo mùa:  + Mùa mưa nhiều: từ tháng 5 đến tháng 10 lượng mưa rất lớn, đạt 1637,2 mm (chiếm 86,1% tổng lượng mưa cả năm); tháng mưa nhiều nhất là tháng 8 đạt 335,2mm.  + Mùa mưa ít: từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa nhỏ, chỉ đạt 263,5mm (chiếm 13,9% tổng lượng mưa cả năm); tháng mưa ít nhất là tháng 12 chỉ đạt 16,8 mm.  - Chênh lệch lượng mưa giữa tháng cao nhất và thấp nhất là: 318,4 mm | **1,0**  0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | ***b. Về lưu lượng.***  - Hệ thống sông Thái Bình có lưu lượng nước khá lớn, thể hiện qua giá trị trung bình cả năm đạt: 3664,3m3/s.  *­*­- Hệ thống sông Hồng có chế độ thủy chế thay đổi theo mùa:  + Mùa lũ: từ tháng 6 đến tháng 10, đạt giá trị trung bình 6579,2 m3/s, chiếm 74,8% lưu lượng cả năm. Tháng lũ cao nhất là tháng 8, đạt giá trị trung bình 9346 m3/s.  + Mùa cạn: từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau, lưu lượng nước nhỏ, đạt giá trị trung bình 1582,2m3/s, chỉ chiếm 25,2% lưu lượng nước cả năm. Tháng cạn nhất là tháng 3 chỉ đạt 954 m3/s. | **1,0**  0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | **TỔNG** | **14,00** |

**Lưu ý khi chấm bài:**

*- Tổng điểm phần trắc nghiệm là 6,0 điểm (mỗi câu đúng được 0,3 điểm).*

*- Tổng điểm phần tự luận là 14,0 điểm (không làm tròn số).*

*- Thí sinh làm bài theo cách khác nhưng đảm bảo được nội dung cần đạt vẫn được điểm tối đa.*

*- Nếu bài làm thiếu, sai kiến thức cơ bản, vận dụng các kỹ năng địa lí và phương pháp làm bài hạn chế…thì tuỳ mức độ trừ điểm thích hợp.*

--------------------------------------------------

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com